

Số: /QĐ-BDT

Quảng Trị, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Dự toán chi NSNN năm 2024 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị

TRƯỞNG BAN DÂN TỘC TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 3018/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2024 cho các Sở, Ban ngành, đơn vị trực thuộc tỉnh; Công văn số 184/STC-TCHCSN ngày 12/01/2024 của Sở Tài chính về việc Thông báo dự toán chi NSNN năm 2024 của Ban Dân tộc;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ban Dân tộc.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Dự toán chi NSNN năm 2024 của Ban Dân tộc tỉnh Quảng Trị (theo biểu số 2 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn, công chức Ban Dân tộc và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu :VT, VP, KT.

TRƯỞNG BAN

Hồ Thị Lệ Hà

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BDT, ngày /01/2024 của Ban Dân tộc)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.717
I	Chi quản lý hành chính	4.717
1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.140
1.1	Chi cho con người	3.663
1.2	Chi công việc (định mức chi thường xuyên theo Nghị quyết số 152/2021/NQ-HĐND)	477
2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	577
2.1	Kinh phí chi trả cho Hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP	241
2.2	Kinh phí duy trì Hệ thống thông tin dữ liệu về công tác dân tộc	23
2.3	Hỗ trợ điện, nước sinh hoạt nhà đón tiếp đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Quảng trị	27
2.4	Hoạt động công tác đặc thù địa bàn miền núi	54
2.5	Kinh phí trang phục thanh tra và hoạt động thanh tra	72
2.6	Kinh phí mua sắm tài sản	110
2.7	Kinh phí sửa chữa tài sản	50